TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG** Bản án số: 69/2026/HNGĐ-ST Ngày: 24/3/2026 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Phú và bà Nguyễn Thị Bích Nga.

-Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 515/2025/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 46A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh ngày 10/4/1995; căn cước công dân số: 030195005556; Nơi cư trú: Đ, thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo ủy quyền để nhận văn bản tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh ngày 09/01/2001; căn cước công dân số: 022301001940; Nơi cư trú: Biệt thự E, khu đô thị N, phường Y, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/6/1994; căn cước công dân số: 030094001066; Nơi cư trú: Lô N KĐT Tuệ Tĩnh,

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh L: Bà Phùng Thị Thanh H- Luật sư Công ty L1 thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà M, B N, phường L, thành phố Hải Phòng.

(Chị D, anh L, bà X và bà H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L yêu nhau và tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2022. Được UBND

phường C, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/11/2022. Sau ngày cưới hai vợ chồng sống cùng nhau tại nhà anh L ở khu đô thị T, phường C, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng). Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được với nhau được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, cũng như trong sinh hoạt hàng ngày, dẫn đến vợ chồng hay xảy ra va chạm, cãi vã. Thời gian đầu hai vợ chồng chỉ có những cuộc cãi vã nhỏ, nhưng lâu dần mâu thuẫn càng trầm trọng, nhiều lần anh L đập phá đồ đạc và đuổi chị ra khỏi nhà. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào cuối tháng 4 năm 2025, hai vợ chồng cãi vã, anh L đã đập phá đồ đạc, ném đồ của chị và đuổi chị đi. Do quá sợ hãi nên chị đã thu dọn đồ đạc về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H, thành phố Hải Phòng sinh sống. Tuy nhiên, sau đó một thời gian anh L đã đến đón con đi mà không thông báo cho gia đình chị biết, hai bên xảy ra cãi vã to tiếng, do sợ ảnh hưởng đến gia đình và hàng xóm xung quanh, chị đã ra ngoài thuê nhà ở riêng. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy không còn tình cảm gì với anh L nữa nên chị khởi kiện xin ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Quang H1, sinh ngày 23/10/2022, hiện cháu đang sống cùng với chị. Quan điểm của chị sau khi ly hôn là muốn được nuôi con. Chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công việc bán hàng tại siêu thị K-mart của Hàn Quốc ở xã T, thành phố Hải Phòng với mức thu nhập hàng tháng từ 9.000.000đ/tháng-10.000.000đ/tháng. Ly hôn, chị sẽ đưa con về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống để có thể tiện cho việc chăm sóc con, ngoài ra bố mẹ chị cũng sẽ phụ giúp chị trong việc chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống của anh chị đúng như chị D trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong mọi việc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị D trình bày, hiện con đang sống cùng chị D. Quan điểm của anh khi ly hôn là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con, vì hiện nay chị D không có chỗ ở và việc làm cố định, vẫn đi thuê trọ để sinh sống, không thể đảm bảo được cuộc sống cho con. Anh tự nguyện không yêu cầu chị D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm công ty cổ phần C ở địa chỉ E L, KĐT E, phường T, thành phố Hải

Phòng với mức thu nhập 13.000.000đ/tháng. Ngoài ra anh đang sống cùng với mẹ là ở căn nhà 3 tầng ở KĐT T, phường T, thành phố Hải Phòng, là người sẽ phụ giúp anh trong việc chăm sóc cho con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 17/12/2025, ông Nguyễn Công K và bà Phạm Thị D1 là bố mẹ đẻ của chị D trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị D. Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn L xảy ra nhiều mâu thuẫn, nay đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh L. Khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Quang H1 (là con chung của chị D và anh L) cho đến khi con trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng. Ông bà đồng ý để chị D và cháu H1 sống cùng ông bà tại nhà riêng (ở địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố Hải Phòng) và sẽ hỗ trợ chị D trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H1.

Tại phiên tòa: Chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh L và nguyện vọng muốn được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D. Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là bà Phùng Thị H trình bày: Chị D và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong cuộc sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Hiện nay hai bên không còn tình cảm nam nữ nên anh L nhất trí việc ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Về con chung: Chị D và anh L có một con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 23/10/2022. Tính đến nay, cháu đã khoảng 41 tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của anh L được nuôi dưỡng cháu H1, bởi lẽ: Hiện tại, anh L đang là nhân viên tại CTCP công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương với mức thu nhập bình quân từ 13 -15 triệu đồng. Còn chị D, đang làm với mức thu nhập từ 9-10 triệu/tháng, công việc lại vừa mới xin được từ tháng 9 đến nay, như vậy xét về tính chất ổn định công việc và ổn định thu nhập, anh L có tính chất ổn định hơn. Mặt khác, thực tế hiện nay, kể từ khi ly thân, hàng tháng, anh L vẫn gửi khoảng 5.000.000đ để nuôi dưỡng cháu H1. Việc này cho thấy anh L vừa có kinh tế, vừa có trách nhiệm với con của mình. Khi anh L được nuôi dưỡng cháu H1, anh L sẽ không yêu cầu chị D chu cấp hàng tháng cho cháu H1.

Anh L đang sống cùng mẻ đẻ tại căn nhà hai tầng khang trang nằm trong Khu đô thị T. Gần nhà có trường học, cháu H1 cũng đã từng theo học tại ngôi trường này gần 1 năm. Rất gần vào trung tâm thành phố. Sống tại đây, cháu H1 sẽ có cơ hội tiếp xúc với một môi trường sống lành mạnh, tiếp xúc với điều kiện học tập tốt nhất tại tỉnh Hải Dương cũ. Còn nhà mẹ đẻ của chị D nằm ở vùng nông thôn, điều kiện học tập, giáo dục tại nông thôn không tốt bằng thành thị. Thêm vào đó, nhà mẹ đẻ chị D có xưởng sản xuất gỗ, do vậy mà có rất nhiều bụi gỗ, rất dễ dàng xâm nhập vào hệ hô hấp, gây ra nhiều bênh về đường hô hấp. Do vậy mà môi trường sống của cháu H1 sẽ không được đảm bảo.

Từ lúc sơ sinh đến khi cháu H1 được chị D mang đi, anh L là người thường xuyên chăm sóc cháu, chơi với cháu. Nhà anh L chỉ có anh L và em gái đã đi lấy chồng, cháu H1 là cháu đích tôn trong gia đình nên được cả nhà anh hết mực yêu thương. Anh L là người hết sức tình cảm, trong quá trình chung sống luôn vun vén vì gia đình, không có thói hư tật xấu nào, nên nếu cháu H1 sống cùng anh L sẽ không ảnh hưởng tới tâm lý, tính cách của cháu H1 mai sau. Ngược lại, chị D lại có những hành vi bịa đặt về anh L. Như vậy, nếu ở cùng chị D lâu ngày, rất có thể, cháu H1 sẽ có những nhận thức sai về bố đẻ của mình, làm ảnh hưởng tới tình cảm cha con. Hiện nay cháu H1 đang sống cùng chị D, tuy nhiên, từ thực tế cho thấy anh L rất ít khi được gặp con, chị D thường xuyên đưa cháu H1 đi đâu đó mà anh L không biết, mặc dù trước khi qua thăm con, anh L đã nhắn tin gọi điện trước để thông báo với chị D. Thậm chí còn tới tận nhà bố mẹ đẻ chị D để gặp con mà vẫn không được. Như vậy, chị D không đảm bảo được việc cháu H1 và A L- người hiện không trực tiếp nuôi cháu được duy trì mối quan hệ cha con. Nếu cháu H1 được giao cho chị D nuôi dưỡng, anh L thực sự lo ngại về quyền thăm nom con của mình sẽ bị chị D cản trở. Ngược lại, nếu anh L được nuôi cháu H1, anh L đảm bảo việc hai mẹ con gặp nhau bất cứ khi nào miễn là không làm ảnh hưởng tới các hoạt động vui chơi, học tập, nghỉ ngơi của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D

được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Quang H1, sinh năm 2022 cho chị D nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung, tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L và tranh chấp nuôi con nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con là những tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh. Do bị đơn cư trú tại phường T, thành phố Hải Phòng nên TAND khu vực 8- Hải Phòng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố H (nay là phường T, thành phố Hải Phòng) vào ngày 08/11/2022 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã sống ly thân, không ai có trách nhiệm với ai. Nay chị D xin ly hôn anh L, anh L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho chị D ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị D, anh L có 01 con chung là Nguyễn Quang H1, sinh ngày 23/10/2022, hiện con đang sống cùng chị D. Khi ly hôn, cả chị D và anh L đều có quan điểm muốn được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Để giao con chung cho ai nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung của anh chị đều chính đáng, xuất phát từ tình cảm của cha mẹ dành cho con; cả chị D và anh L đều có công việc, thu nhập và đều được gia đình tạo điều kiện về cơ sở vật chất để nuôi con. Trong vụ án này, cháu H1 tuy đã đến nay đã trên 36 tháng tuổi, nhưng

vẫn còn nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, cháu vẫn sinh sống ổn định với chị D kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu, đảm bảo con chung có sự phát triển tốt nhất về mọi mặt, cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con chung là cháu Nguyễn Quang H1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở là phù hợp quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị D và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Quang H1, sinh ngày 23/10/2022 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh L phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình), được đối trừ số tiền chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007108 ngày 26/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8- Hải Phòng. Chị D đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8- Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND phường Cẩm Thượng (nay là phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng để ghi vào sổ hộ tịch (GCNKH số 43/2022);
- Phòng THADS khu vực 8- Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Minh